

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **131** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **23** tháng **6** năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá VIII, Kỳ họp thứ 32

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao kế hoạch đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Văn bản số 473/UBND-TH ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện chuyển tiếp các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của tỉnh Quảng Trị;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình kỳ họp thứ 32 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như sau:

1. Tổng số vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là **13.166,983** triệu đồng (trong đó: số vốn kéo dài của các huyện, thị xã, thành phố là **12.949,614** triệu đồng, số vốn kéo dài của các đơn vị cấp tỉnh là **217,369** triệu đồng).

2. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh là **64.954** triệu đồng.

Để đảm bảo phù hợp với việc thực hiện tổ chức chính quyền 02 cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị quyết 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch năm 2025 như các phụ lục đính kèm.

(Có Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Tờ trình này xin thay thế Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban: KT-NS, Dân tộc;
VH-XH HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, NN&MT;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THU, KT_{TA}, Thu, KGVX_T. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐPT NSTW CÁC NĂM 2022, 2023, 2024 KÉO DÀI SANG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
 (Kèm theo Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần	KH vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Điều chỉnh		KH vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG	13.166,983	12.949,614	12.949,614	13.166,983	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	10.918,536	10.918,536	10.918,536	10.918,536	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	10.918,536	10.918,536	10.918,536	10.918,536	
	Huyện Đakrông	6.002,469		6.002,469		
	Xã La Lay		37,924		37,924	
	Xã Ba Lòng		136,647		136,647	
	Xã Đakrông		241,368		241,368	
	Xã Hướng Hiệp		5.548,159		5.548,159	Bao gồm vốn của BQLDA
	Xã Tà Rụt		38,371		38,371	
	Huyện đảo Côn Cỏ	4.665,405		4.665,405		

	Đặc khu Côn Cỏ		4.665,405		4665,405	
	Huyện Gio Linh	1,459		1,459		
	Xã Cửa Việt		1,459		1,459	
	Huyện Hải Lăng	249,203		249,203		
	Xã Diên Sanh		249,203		249,203	Vốn của BQLDA
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.248,447	2.031,078	2.031,078	2.248,447	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.228,068	1.010,699	1.010,699	1.228,068	
	Trường Cao đẳng y tế	217,369			217,369	
	Huyện Hướng Hoá	244,576		244,576		
	Xã Khe sanh		244,576		244,576	Vốn của BQLDA
	Huyện Đakrông	766,123		766,123		
	Xã Hướng Hiệp		766,123		766,123	Vốn của BQLDA
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	1.020,379	1.020,379	1.020,379	1.020,379	
	Huyện Triệu Phong	1.000,000		1.000,000		
	Xã Triệu Phong		1.000,000		1.000,000	Vốn của BQLDA
	Huyện Đakrông	20,379		20,379		
	Xã Hướng Hiệp		20,379		20,379	Vốn của BQLDA

Phụ lục số 02
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(Kèm theo Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Dự án thành phần	KH năm 2025 tại NQ số 106/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh		KH 2025 điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG	64.954,000	43.347,000	42.347,000	64.954,000	
A	Đã phân bổ chi tiết	57.741,000	42.347,000	42.347,000	56.741,000	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	42.347,000	42.347,000	42.347,000	42.347,000	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	42.347,000	42.347,000	42.347,000	42.347,000	
	Huyện Đakrông	33.347,000		33.347,000		
	Xã La Lay		1.000,000		1.000,000	
	Xã Ba Lòng		813,000		813,000	
	Xã Hướng Hiệp		31.534,000		31.534,000	Vốn của BQLDA
	Huyện đảo Cồn Cỏ	9.000,000		9.000,000		
	Đặc khu Cồn Cỏ		9.000,000		9.000,000	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	15.394,000			14.394,000	
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	11.894,000	1.500,000	1.500,000	11.894,000	

	Trường Cao đẳng kỹ thuật	7.894,000			7.894,000	
	Trường Cao đẳng y tế	2.500,000			2.500,000	
	Thành phố Đông Hà	1.500,000		1.500,000		
	Phường Đông Hà		1.500,000		1.500,000	Vốn của BQLDA
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	3.500,000	2.500,000	1.000,000	2.500,000	
	Huyện Hướng Hóa	1.500,000				
	Xã Khe Sanh		1.500,000		1.500,000	
	Huyện Gio Linh	1.000,000				
	Xã Gio Linh		1.000,000		1.000,000	
	Huyện Hải Lăng	1.000,000		1.000,000		Huyện đề xuất trả vốn tại VB số 820/UBND-TH ngày 20/6/2025
B	Chưa phân bổ chi tiết	7.213,000	1.000,000		8.213,000	Cộng thêm phần huyện Hải Lăng trả vốn